

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐDĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/08/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người		Hàng
1		TD3+MRM+BK8	7:25	3+17+0	0+0+0		0+19+3	0+0+0	
2		SAVR+RP2+RC5	7:25	11+10+0	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
3		KNT+P4	7:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
4		TTC2+P9+PPD	9:25	0+1+20	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 ttc2-p9
5		RP3+GTC1+MRM	9:25	7+0+13	0+0+0		6+3+13	0+0+0	
6		TD5	9:25	22	0		21	0	
7		PPD+P4+TD1	11:25	14+4+3	0+0+0		9+3+10	0+0+0	
8		BK9+RP3+CTC1	11:25	3+16+1	0+0+0		0+16+6	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/Đi về trong ngày CTC1-6ng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD3 - MRM - BK8	CREW: KHOÀN - XTRƯỜNG - TÚ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/2942	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD3	98	1	8			64	ĐANG KIEM	Vietnamese
2	LƯƠNG THANH TÙNG	TD3	300.99	2	15			62	ĐANG KIEM	Vietnamese
3	TRẦN HUYNH LAM	TD3	31	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
4	TIKHONOV EVGENY	MRM	64	1	3			107	AMNGR	Russian
5	SHCHETININ IVAN	MRM	65	1	9			79	AMNGR	Russian
6	CHIRKIN DANIIL	MRM	61-63	3	15			68	AMNGR	Russian
7	BARANOVSKII ANDREI	MRM	59	1	12			64	AMNGR	Russian
8	DEMİN YURI	MRM	49	1	9			100	KHOAN	Russian
9	TÔNG TIẾN QUANG	MRM	57	1	17			81	DVL	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG CHIẾN	MRM	60	1	14			84	DVL	Vietnamese
11	DƯƠNG THẾ ĐỨC	MRM	68-69	2	16			78	DVL	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN HÙNG	MRM	58	1	11			71	DVL	Vietnamese
13	DƯƠNG MINH VIỆT	MRM	52	1	6			65	DVL	Vietnamese
14	DMITRII KONDRATOV	MRM	56	1	9			114	HALLIBUR	Russian
15	BELENKO KONSTANTIN	MRM	66-67	2	15			77	AMNGR	Russian
16	SHURUPOV PAVEL	MRM	47	1	20			89	AMNGR	Russian
17	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	53	1	8			87	AMNGR	Russian
18	VORONOVSKII VITALII	MRM	50-51	2	8			91	AMNGR	Russian
19	RUBTSOV DENIS	MRM	54-55	2	6			50	AMNGR	Russian
20	GOLUBEV ALEKSANDR	MRM	48	1	12			89	AMNGR	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	3	198	4	29	0	0	0		
2	MRM	17	1.394	23	190	0	0	19		
3	BK8	0	0	0	0	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.592</b>	<b>27</b>	<b>219</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.592</b>		<b>219</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN  
HÀ XUÂN TRƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:SAVR- RP2 - RC5	CREW: VTHẮNG - N.ANH - THỤ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/2945	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HỮU PHƯƠNG	SAVR						69	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	LÊ HỒNG ĐẠI	SAVR	93	1	5			74	D-HANH	Vietnamese
3	HOANG HUY HOANG	SAVR						73	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN CANH TAN	SAVR	92	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THỊ HẰNG	SAVR						61	NIPI	Vietnamese
6	PHAN VĂN THỊNH	SAVR	91	1	4			72	NIPI	Vietnamese
7	NGUYỄN TUẤN MINH	SAVR	86-87	2	15			76	PVDWS	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC HUY	SAVR	85	1	9			72	PVDWS	Vietnamese
9	DƯƠNG MẠNH QUYẾT	SAVR	88	1	9			85	PVDWS	Vietnamese
10	LÊ TRỌNG NGHĨA	SAVR	89-90	2	10			82	PVDWS	Vietnamese
11	PHẠM HỒNG MINH	SAVR	83-84	2	13			75	PVDWS	Vietnamese
12	PHÙNG QUỐC VIỆT	RP2	67-68	2	18			78	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VIỆT HUY	RP2	69-70	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ HỮU CƯỜNG	RP2	38,64	2	20			79	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI ĐÌNH THU	RP2	96	1	14			70	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC THỌ	RP2	98-99	2	18			78	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI VĂN CHUNG	RP2	100	1	13			53	XAYLAP	Vietnamese
18	LƯƠNG VĂN LÊN	RP2	97	1	20			71	XAYLAP	Vietnamese
19	HÒA QUANG THẮNG	RP2	71-72	2	11			66	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU LƯƠNG	RP2	95	1	12			53	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN VINH	RP2	65-66	2	16			70	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	11	808	11	68	0	0	0		
2	RP2	10	681	16	157	0	0	17		
3	RC5	0	0	0	0	1	18	5		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.489</b>	<b>27</b>	<b>225</b>	<b>1</b>	<b>18</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.489</b>		<b>225</b>		<b>18</b>			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG  
NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:50
B.CARD: VANG-1	TO:KNT - P4	CREW: HUNG - ĐNAM - THÀNH	ETA: 09:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/2948	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TUẤN ANH	KNT	97-98	2	16	1	20	68	XAYLAP	Vietnamese
2	ALI TUTKUN	KNT	99,100	2	10	1	16	76	NHATHAU	Turkish
3	ERDINC BULUT	KNT	95-96	2	19			93	NHATHAU	Turkish
4	TRẦN ANH KHOA	P4	81-82	2	16			81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN LÊ HUY	P4	88	1	7			72	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	89	1	3			72	KHI	Vietnamese
7	TRẦN SƠN TIỀN	P4	99	1	7			68	KHI	Vietnamese
8	LÊ VĂN MẠNH	P4						56	KHI	Vietnamese
9	PHẠM QUỐC DUY	P4	96	1	4			60	KHI	Vietnamese
10	BUI ĐĂNG TIỀN	P4	97	1	9			69	KHI	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	83	1	4			78	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH CANG	P4	86	1	4			76	KHI	Vietnamese
13	OVCHARENKO	P4	84	1	5			85	KHI	Russian
14	DƯƠNG ĐÌNH HIỀN	P4	87	1	4			66	KHI	Vietnamese
15	PHẠM LÊ TUẤN	P4	94-95	2	13			82	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN PHÚC MINH ĐĂNG	P4	93	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN NAM	P4	80	1	4			73	KHI	Vietnamese
18	LÊ QUANG VINH	P4	98	1	7			68	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P4	85	1	9			57	KHI	Vietnamese
20	PHAN TÀI DANH	P4	92	1	5			78	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC ANH	P4	90-91	2	16			78	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	3	237	6	45	2	36	0		
2	P4	18	1.298	20	128	0	0	22		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.535</b>	<b>26</b>	<b>173</b>	<b>2</b>	<b>36</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.535</b>		<b>173</b>		<b>36</b>			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
NGUYỄN ĐỨC NAM





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TTC2 - P9 - PPD	CREW: XHOÀN - XTRƯỜNG - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM25/2943		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI VAN HUY	P9	82	1	10	2	30	69	ANTOAN	Vietnamese
2	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	82	1	3			62	KHI	Vietnamese
3	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	71	1	4			73	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC LÂM	PPD	73	1	5			68	KHI	Vietnamese
5	VÕ VĂN QUYÊN	PPD	85	1	2			70	KHI	Vietnamese
6	VŨ VĂN TRIỆU	PPD	80	1	6			79	KHI	Vietnamese
7	NGÔ SỸ THANH	PPD	69	1	6			90	KHI	Vietnamese
8	TRỊNH VĂN CƯỜNG	PPD	79	1	6			66	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH VIÊN	PPD	75-76	2	12			78	KHI	Vietnamese
10	OKOVANTSEV G.	PPD	67	1	10			109	KHI	Russian
11	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	66	1	2			68	KHI	Vietnamese
12	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	77	1	4			75	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG HIẾN	PPD	81	1	3	1	20	53	KHI	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	72	1	2			58	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TẤT KHANH	PPD	86	1	3			73	KHI	Vietnamese
16	BUI NGỌC HUƠNG	PPD	74	1	6			63	KHI	Vietnamese
17	LÊ TRUNG LAN	PPD	83	1	3			81	KHI	Vietnamese
18	LÂM QUANG THANH	PPD	68	1	11			90	T-TIN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	70	1	6			50	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	84	1	2			74	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	78	1	6			77	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	0	0	0	0	3	50	0	1	CHUYEN 1 PAX TTC2-P9
2	P9	1	69	1	10	2	30	0		
3	PPD	20	1.457	21	102	1	20	22		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.526</b>	<b>22</b>	<b>112</b>	<b>6</b>	<b>100</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.526</b>		<b>112</b>		<b>100</b>			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN  
HÀ XUÂN TRƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO:RP3 - GTC1 - MRM	CREW: VTHANG - N.ANH - THU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/2946	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	AKOPOV D.A.	RP3	28	1	3			85	KH-THAC	Russian
2	KHARITONOV YURY	RP3	30	1	6			78	KHI	Russian
3	LAM TIEN PHI	RP3	27	1	6	1	12	81	KHI	Vietnamese
4	PHAM HOANG NGUYEN	RP3	23-24	2	16			66	KHI	Vietnamese
5	VU MANH CUONG	RP3	25-26	2	12			73	KHI	Vietnamese
6	PHAM VAN KY	RP3	21-22	2	10			64	KHI	Vietnamese
7	TRAN THANH DUC	RP3	29	1	5			101	KHI	Vietnamese
8	KAREBIN SPARTAK	MRM	15-16	2	12			99	AMNGR	Russian
9	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	07	1	11			125	AMNGR	Russian
10	GALIAKHMETOV AIDAR	MRM	04	1	7			88	AMNGR	Russian
11	TRIFONOV STANISLAV	MRM	02	1	9			93	AMNGR	Russian
12	KISELNIKOV NIKOLAI	MRM	03	1	15			93	AMNGR	Russian
13	GRITSENKO VLADIMIR	MRM	08-09	2	16			84	AMNGR	Russian
14	KHATIPOV RUSLAN	MRM	10	1	13			72	AMNGR	Russian
15	NIKOLAEV OLEG	MRM	05-06	2	9			89	AMNGR	Russian
16	NIGMATZIANOV ILFAT	MRM	11-12	2	12			82	AMNGR	Russian
17	KADATOV MIKHAIL	MRM	13-14	2	16			72	AMNGR	Russian
18	PHAM HUY HUNG	MRM	17-18	2	18	2	19	68	AMNGR	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC BINH	MRM	01	1	16			69	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	WT				PCS
1	RP3	7	548	10	58	1	12	6	
2	GTC1	0	0	0	0	0	0	3	
3	MRM	12	1.034	18	154	2	19	13	
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.582</b>	<b>28</b>	<b>212</b>	<b>3</b>	<b>31</b>	<b>22</b>	
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.582</b>		<b>212</b>		<b>31</b>		

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGÔ VĂN THẮNG  
NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
B.CARD: VANG - 2	TO: TD5	CREW: HÙNG - ĐNAM - THÀNH	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/2949	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	88	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	87	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	83	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN PHÙNG QUÊ	TD5	81	1	3			72	KHOAN	Vietnamese
5	HÀ QUỐC DŨNG	TD5	99	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VINH DUY	TD5	86	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC CUƠNG	TD5	85	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN HÙNG	TD5	82	1	2			73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	TD5	84	1	5			91	KHOAN	Vietnamese
10	LƯƠNG ĐỨC MINH	TD5	91-92	2	14			65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CUƠNG	TD5	78-80	3	15			64	MERMAID	Vietnamese
12	LÊ DUY THĂNG	TD5	75	1	10	2	20	82	MERMAID	Vietnamese
13	PHẠM ĐĂNG KHÔI	TD5	90	1	10			94	KHOAN	Vietnamese
14	HÀ MẠNH HAI	TD5				6	97	71	KHOAN	Vietnamese
15	FOK SERGEY	TD5	95	1	9			126	KHOAN	Russian
16	ALEKHIN EVGENY	TD5	96	1	5			100	KHOAN	Russian
17	HỒ XUÂN TUYẾN	TD5	89	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
18	NGÔ VĂN SƠN	TD5	900	1	9			85	KHOAN	Vietnamese
19	CHU QUANG SƠN	TD5	98	1	10			73	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TRUNG	TD5	899	1	14			73	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD5	97	1	13			78	KHOAN	Vietnamese
22	BUI VĂN QUYẾT	TD5	1000	1	9			91	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	22	1.715	24	168	8	117	21		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.715</b>	<b>24</b>	<b>168</b>	<b>8</b>	<b>117</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.715</b>		<b>168</b>		<b>117</b>			

GRAND TOAL: 2.000 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

LÊ QUÝ HÙNG  
NGUYỄN ĐỨC NAM



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO:PPD - P4 - TD1	CREW: QVIỆT - HTRUNG - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7	VNHS FLIGHT: TM25/2944		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRƯƠNG HAI HA	PPD	56	1	5			70	KHI	Vietnamese
2	LÊ THÀNH TRUNG	PPD	51	1	4			64	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	55	1	5			74	KHI	Vietnamese
4	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD						86	KHI	Vietnamese
5	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	57	1	7			57	KHI	Vietnamese
6	PHẠM NHƯ SANG	PPD	16	1	13			68	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN HOANG	PPD	58	1	7			68	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐỖ ĐỨC HẬU	PPD	88,91	2	17			64	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	98	1	4			73	PSV	Vietnamese
10	TRẦN MẠU SƠN	PPD	99	1	4			74	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN TỌ	PPD	92	1	4			55	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN TẤT TÂM	PPD	50	1	5			53	PSV	Vietnamese
13	HOANG VAN CÔNG	PPD	93	1	4			56	PSV	Vietnamese
14	HỒ QUỐC VIỆT	PPD	15	1	7			80	PSV	Vietnamese
15	HUYNH NGOC NHAN	P4	46	1	5	4	70	62	PSV	Vietnamese
16	QUẦN HỒNG QUANG	P4	44	1	8			70	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐẶNG XUÂN TRƯỜNG	P4	45	1	9			55	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ ĐỨC HUY	P4	53-54	2	20	1	10	64	T-TIN	Vietnamese
19	HOANG TRONG TAN	P4	47	1	7			69	KHI	Vietnamese
20	KIỀU TUẤN ANH	TD1	56-57	2	11			85	DVL	Vietnamese
21	VŨ VĂN TRUNG	TD1	54	1	15			75	DVL	Vietnamese
22	ĐỖ THANH TIÊN	TD1	55	1	14			76	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	14	942	14	86	0	0	9		
2	P4	5	320	6	49	5	80	3		
3	TD1	3	236	4	40	0	0	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.498</b>	<b>24</b>	<b>175</b>	<b>5</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.498</b>		<b>175</b>		<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: BK9 - RP3 - CTC1	CREW: LINH - N.CUONG - THU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/2947	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE HUY BAC	BK9	28,99	2	18	3	59	73	CODIEN	Vietnamese
2	DO XUAN THANG	BK9	200	1	18	4	80	83	CODIEN	Vietnamese
3	LE SY TUYEN	BK9	27	1	10			71	CODIEN	Vietnamese
4	HOANG VAN HAI	RP3	65	1	6			64	KHI	Vietnamese
5	VO DON LONG	RP3	68	1	4			77	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG NAM	RP3	71-72	2	18			63	KHI	Vietnamese
7	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	69	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC SƠN	RP3	61	1	9	1	18	81	KH-THAC	Vietnamese
9	KHÔNG TIỀN DUNG	RP3	66	1	6			75	KHI	Vietnamese
10	PHẠM THANH TUNG	RP3	63-64	2	19			81	KHI	Vietnamese
11	LE THE HUNG	RP3	59-60	2	17			68	KHI	Vietnamese
12	PHAM HONG HUNG	RP3	58	1	5			68	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NGHIEM	RP3	74	1	9			65	KHI	Vietnamese
14	VO PHI HO	RP3	76	1	11			86	KHI	Vietnamese
15	KHUONG VAN DINH	RP3	75	1	8			65	KHI	Vietnamese
16	TRAN DUY TAN	RP3	73	1	6			73	KHI	Vietnamese
17	DO QUOC PHONG	RP3	67	1	10			78	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN BANG	RP3	70	1	11			83	KHI	Vietnamese
19	TRAN VAN HUU	RP3	62	1	8			62	PSV	Vietnamese
20	DO VAN TUONG	CTC1	83	1	12			65	PVDWS	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK9	3	227	4	46	7	139	0		
2	RP3	16	1.166	19	152	1	18	16		
3	CTC1	1	65	1	12	0	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.458</b>	<b>24</b>	<b>210</b>	<b>8</b>	<b>157</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.458</b>		<b>210</b>		<b>157</b>			

GRAND TOTAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH  
PHAN NHƯ CƯƠNG